

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 385 /KH-UBND-NV

Quận 12, ngày 08 tháng 01 năm 2021

**KẾ HOẠCH**

**Về việc tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu  
theo Luật Phòng, chống tham nhũng**

*Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 20-KH/QU ngày 18/11/2020 của Quận ủy Quận 12 về kê khai và công khai tài sản, thu nhập năm 2020; Công văn số 43-CV/BTCQU ngày 23/11/2020 của Ban Tổ chức Quận ủy về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2020.*

Ủy ban nhân dân quận xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo Luật Phòng, chống tham nhũng, có nội dung như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

**1. Mục đích**

Việc kê khai tài sản, thu nhập nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

**2. Yêu cầu**

Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

**II. Đối tượng và nội dung**

**1. Đối tượng**

- Cán bộ, công chức quận, phường.
- Người giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận

*(Theo phụ lục đính kèm).*

*Ghi chú:* người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai.

**2. Nội dung tài sản, thu nhập phải kê khai**

**2.1. Tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm**

a) Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng.

b) Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá trị và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.

c) Tài sản, tài khoản ở nước ngoài.

d) Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

**2.2.** Việc kê khai lần đầu được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục 1 được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

### **3. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập**

#### **3.1. Thực hiện công khai**

- Bản kê khai của Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc phòng, ban cấp quận được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp phường được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường hoặc công khai tại cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức phường.

- Bản kê khai của những người làm việc trong Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận được niêm yết tại trụ sở Công ty hoặc công khai tại cuộc họp gồm Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc Công ty.

**3.2.** Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho cơ quan quản lý cán bộ, công chức.

**3.3.** Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

**3.4.** Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê

khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

#### **1. Phòng Nội vụ:**

- Hướng dẫn các đơn vị, người kê khai thực hiện việc kê khai đúng, đủ theo quy định.

- Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai.

- Tổng hợp kết quả, gửi 02 bản kê khai của cán bộ chủ chốt về Ban Tổ chức Quận ủy trước ngày 01/3/2021.

#### **2. Thanh tra quận:**

- Tổ chức các lớp triển khai và tập huấn về nghiệp vụ công tác kê khai tài sản, thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc quận theo quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Trên cơ sở kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập do phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị cung cấp, Thanh tra quận tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo kết quả về Quận ủy và Thanh tra thành phố theo quy định.

**3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận:** Có trách nhiệm cập nhật trên trang thông tin điện tử quận các văn bản pháp luật, hướng dẫn liên quan việc kê khai tài sản, thu nhập; Kế hoạch của Ủy ban nhân dân quận về kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; các biểu mẫu đính kèm tại Phụ lục của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

#### **4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường:**

- Triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu đến cán bộ, công chức thuộc đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập ở đơn vị mình.

- Phân công công chức phụ trách công tác kê khai tài sản, thu nhập của đơn vị, có trách nhiệm tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

- Báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, đơn vị mình gửi về Ủy ban nhân dân quận (thông qua phòng Nội vụ) trước ngày 25/01/2021. Hồ sơ gồm có:

- + Kế hoạch triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập ở đơn vị mình.

- + 03 bản chính bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai

thuộc diện Ban Thường vụ Quận ủy quản lý.

+ 01 bản chính bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai là cán bộ, công chức không thuộc diện Ban Thường vụ Quận ủy quản lý.

+ Biên bản công khai tài sản, thu nhập hoặc biên bản niêm yết bản kê khai tài sản, thu nhập.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo Luật Phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân Quận 12; đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai, thực hiện theo đúng nội dung, thời gian nêu trên. *phước*

**Nơi nhận:**

- Thường trực Quận ủy;
- Thường trực HĐND quận;
- UBND quận (CT, các PCT);
- Ban Tổ chức Quận ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Quận ủy;
- Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc quận;
- Công ty TNHH MTV DVCI quận;
- Đảng ủy, UBND 11 phường;
- Lưu: VT, NV(Nh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trương Hải Hiếu**



## **NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

*(Kèm theo Kế hoạch số 32/KH-TBND-NV ngày 08 tháng 01 năm 2021*

*của Ủy ban nhân dân Quận 12)*

### **1. Cán bộ, công chức quận, phường. Cụ thể:**

+ Cán bộ, công chức đang công tác và làm việc tại quận: cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo; cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo; công chức tập sự.

+ Cán bộ phường: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và Trưởng các đoàn thể phường.

+ Công chức phường: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự phường, Văn phòng - Thống kê, Tư pháp - Hộ tịch, Tài chính - Kế toán, Địa chính - Xây dựng - Đô Thị và Môi trường, Văn hóa - Xã hội.

### **2. Người giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận. Cụ thể:**

+ Ban Giám đốc đơn vị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 12; Trung tâm Văn hóa; Trung tâm Thể dục Thể thao; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

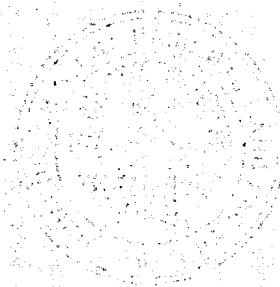
+ Lãnh đạo Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận.

+ Thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch Hội đồng thành viên; Ban Giám đốc; Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận.

+ Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng hoặc Tổ phó, Tổ trưởng hoặc Đội phó, Đội trưởng trực thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 12; Trung tâm Văn hóa; Trung tâm Thể dục Thể thao; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận.

+ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học công lập trên địa bàn quận.

+ Kế toán viên ở các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận./.



**PHỤ LỤC 2**  
**MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC**  
**KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU**  
*(Được quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP*  
*ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)*

**A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

**TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...<sup>(1)</sup>**  
**(Ngày..... tháng..... năm..... )<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Chức vụ/chức danh công tác: .....
- Cơ quan/đơn vị công tác: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>:  
.....ngày cấp..... nơi cấp  
.....

**2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:  
..... ngày cấp..... nơi cấp .....

**3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)**

**3.1. Con thứ nhất:**

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

## II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: .....

- Diện tích<sup>(9)</sup>: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: .....

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: .....

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: .....

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:



### 2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

### 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

## 3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

### 3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

### 3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

### 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

## 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

## 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

## 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

### 6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

### 6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

### 6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup>** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....

| Loại tài sản, thu nhập               | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|--------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                      | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất |                                            |                           |                                                                      |
| 1.1. Đất ở                           |                                            |                           |                                                                      |
| 1.2. Các loại đất khác               |                                            |                           |                                                                      |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng        |                                            |                           |                                                                      |

| Loại tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 2.1. Nhà ở<br>2.2. Công trình xây dựng khác<br>3. Tài sản khác gắn liền với đất<br>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất<br>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất<br>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<br>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.<br>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):<br>6.1. Cổ phiếu<br>6.2. Trái phiếu<br>6.3. Vốn góp<br>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<br>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:<br>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<br>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).<br>8. Tài sản ở nước ngoài.<br>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê |                                            |                           |                                                                      |

| Loại tài sản, thu nhập | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                                 | Nội dung giải trình<br>nguồn gốc của tài<br>sản tăng thêm và<br>tổng thu nhập |
|------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Số<br>lượng<br>tài sản                     | Giá trị tài<br>sản, thu<br>nhập |                                                                               |
| khai <sup>(32)</sup> . |                                            |                                 |                                                                               |

..... ngày....tháng....năm....

**NGƯỜI NHẬN BÁN KÊ KHAI**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày....tháng....năm....

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

## **B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

### **I. GHI CHÚ CHUNG**

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai). Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

### **II. THÔNG TIN CHUNG**

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

### **III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất (m<sup>2</sup>) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận

chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(15) Ghi tổng diện tích ( $m^2$ ) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.

(16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

(18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

(28) Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). **Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.** Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liên kê trước đó đến ngày trước ngày kê khai./.

